

Số: 103 /KH-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 7 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (CPTPP)

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các văn kiện có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-BCT ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ, có hiệu quả Hiệp định CPTPP và Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch của Bộ Công Thương thực hiện Hiệp định CPTPP.

- Nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh hiểu về tầm quan trọng và sự tác động của Hiệp định CPTPP đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác hiệu quả Hiệp định CPTPP và các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực, đồng thời tích cực chuẩn bị cho việc thực thi hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới sắp có hiệu lực trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

- Công tác triển khai thực hiện Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 456/QĐ-BCT ngày 01 tháng 3 năm 2019 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP phải có sự phối hợp chặt chẽ thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; giữa cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân.

- Thực hiện hiệu quả việc phổ biến thông tin chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc triển khai Hiệp định CPTPP và các Hiệp định FTA. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tận dụng tốt các cơ hội về mở rộng thị trường khi triển khai hiệp định.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP và thị trường của các nước tham gia Hiệp định CPTPP

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến Hiệp định CPTPP và thị trường của các nước tham gia Hiệp định CPTPP cho cán bộ, công chức, viên chức và doanh nghiệp, người dân trên các phương tiện thông tin truyền thông như Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trang thông tin điện tử của các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực thi hiệu quả Hiệp định CPTPP.

- Chú trọng tập huấn cho các cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp về các nội dung như: đặc điểm thị trường các nước trong CPTPP; các cơ hội và thách thức khi thực hiện Hiệp định CPTPP; đầu tư, dịch vụ, hải quan, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ; nông, lâm, ngư nghiệp; lao động, môi trường và các cam kết cụ thể có liên quan trong Hiệp định CPTPP để bảo đảm hiểu rõ, hiểu đúng, từ đó giúp việc triển khai và thực thi Hiệp định được đầy đủ và hiệu quả.

- Xây dựng các tài liệu tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế, thông tin thị trường (cầm nang doanh nghiệp đối với một số nhóm ngành, hàng, lĩnh vực liên quan đến thông tin thị trường hoặc các cam kết trong Hiệp định CPTPP). Thực hiện có hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực có lợi thế của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Công tác xây dựng pháp luật

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ của Việt Nam khi tham gia Hiệp định CPTPP.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để chủ động kiến nghị các cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Hiệp định CPTPP.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành trên hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật. Đăng tải công khai, chính xác nội dung các văn bản, nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trong quá trình tìm hiểu và áp dụng vào hoạt động điều hành, sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế; giám sát chặt chẽ việc thực hiện thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, kinh doanh tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý, đặc biệt là luật pháp quốc tế, các điều ước về thương mại quốc tế, trước hết là cho cán bộ chủ chốt các ngành và chính quyền các cấp, doanh nghiệp, cán bộ làm công tác tổ tụng, đội ngũ luật sư và những người trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh và các Ban chỉ đạo liên ngành thuộc các lĩnh vực trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng hiện nay. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho bộ phận, cá nhân phụ trách việc thực thi Hiệp định CPTPP tại các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để nâng cao chất lượng công tác phối hợp đảm bảo việc thực thi Hiệp định được hiệu quả và đầy đủ.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh. Đồng thời nâng cao các chỉ số chất lượng quản trị và dịch vụ hành chính công (PAPI) để đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, hấp dẫn và thuận lợi cho các thành phần kinh tế; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh đảm bảo phù hợp với lộ trình cam kết của Hiệp định CPTPP.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác xây dựng và quản lý quy hoạch phát triển kinh tế với tầm nhìn dài hạn và có lộ trình cụ thể. Gắn kết đồng bộ các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung ưu tiên cơ cấu lại các ngành và lĩnh vực phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.

- Phát triển khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo gắn với thực hiện hiệu quả Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai tích cực các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và tạo mọi điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, để khu vực kinh tế này thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế, một lực lượng nòng cốt trong hội nhập kinh tế quốc tế. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Tập trung cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng chính sách phát triển công nghiệp phải đảm bảo sự gắn kết giữa phát triển công nghiệp với thương mại, thúc đẩy công nghiệp hoá - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, gắn sản xuất với thị trường. Đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong chế biến nâng cao giá trị sản phẩm; Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu; Áp dụng tiêu chuẩn, chất lượng quốc tế vào quá trình quản lý và sản xuất, kinh doanh hàng hóa. Tổ chức triển khai có hiệu quả Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Đồng thời phát triển kinh tế nông thôn theo mô hình sản xuất tiên tiến, ứng dụng khoa học - công nghệ, an toàn, thân thiện với môi trường. Phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, tạo sản phẩm chất lượng cao có giá trị xuất khẩu. Gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với hoạt động dịch vụ du lịch và bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống; Xây dựng thương hiệu, đăng ký quy tắc xuất xứ hàng hóa, đảm bảo các yêu cầu về bằng sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền, bí mật thương mại, các hình thức khác của quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm nông nghiệp của địa phương đảm bảo nội dung cam kết của hiệp định quốc tế. Tổ chức triển khai có hiệu quả Quyết định 2929/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 – 2020.

- Tiếp tục xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, nông dân, hợp tác xã phù hợp với các cam kết quốc tế. Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, có lồng ghép nội dung của Đề án "Nghiên cứu khả năng tích ứng giữa hệ thống cảng biển và dịch vụ logistics tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với năng lực sản xuất, xuất khẩu hàng hóa của vùng, khu kinh tế và tiềm năng tiêu thụ hàng hóa của vùng, khu kinh tế và tiềm năng tiêu thụ hàng nhập khẩu của các điểm đến tiêu dùng".

- Tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh để hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị; xây dựng chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường. Chú trọng ứng dụng những công nghệ phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng

hàng hóa và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Tăng cường công tác về Sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm của địa phương. Triển khai có hiệu quả Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020; Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Xây dựng chính sách, chương trình làm việc, kết nối giữa doanh nghiệp và đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh với các cơ quan hữu quan trong việc tìm kiếm mở rộng thị trường, định hướng sản phẩm cũng như việc cung cấp thông tin về nhận định, cảnh báo sớm trong lĩnh vực phòng vệ thương mại, nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu về nguy cơ bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để chủ động xây dựng các biện pháp phòng vệ phù hợp với các quy định và cam kết quốc tế để bảo vệ sản xuất của địa phương cùng lợi ích chính đáng của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, các đơn vị có liên quan trong công tác đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp. Từng bước thực hiện đào tạo theo yêu cầu, định hướng của các doanh nghiệp, đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện về lao động đặt ra từ phía các nhà nhập khẩu. Hỗ trợ đào tạo về công tác nghiệp vụ quản trị nhân lực, khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp... Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kỹ thuật - công nghệ, luật, tài chính.

- Tổ chức các lớp tập huấn và hội thảo nhằm trao đổi kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, các hiệp định thương mại tự do, kỹ năng xúc tiến thương mại, kỹ năng nghiệp vụ xuất nhập khẩu, giới thiệu thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, kỹ năng phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, tìm kiếm thông tin thương mại... nhằm trang bị kiến thức, năng lực công tác cho cán bộ quản lý và đội ngũ làm công tác chuyên môn về hoạt động xuất nhập khẩu, tạo điều kiện nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm giới thiệu việc làm và các phiên lưu động để tạo nguồn lao động có chất lượng, từng bước giải quyết tình trạng thiếu lao động có tay nghề tại các doanh nghiệp.

- Thông qua các hoạt động trao đổi đoàn các cấp, nhằm củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác, tạo thuận lợi cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng sự hợp tác về kinh tế, thương mại, đầu tư, lao động, khoa học - công nghệ; đàm phán, ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế với các nước,

các tổ chức quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho tỉnh trong quan hệ hợp tác kinh tế. Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 09/10/2017 về hoạt động đối ngoại giai đoạn 2017 – 2020 của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp

- Củng cố, nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của Liên đoàn Lao động tỉnh và các tổ chức công đoàn. Phối hợp, chỉ đạo công đoàn các cấp tổ chức triển khai giới thiệu về hiệp định CPTPP đến người lao động. Thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên và người lao động.

- Tăng cường quản lý có hiệu quả sự ra đời và hoạt động của tổ chức của Người lao động tại doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh ổn định; đồng thời tạo điều kiện để tổ chức này hoạt động thuận lợi lành mạnh theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với các nguyên tắc của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), hoạt động không vì mục đích chính trị, đồng thời giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

5. Chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 - 2020, nhằm cải thiện đời sống, tinh thần, vật chất của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc, các nhóm dân cư; Củng cố hệ thống an sinh xã hội đảm bảo hoạt động linh hoạt, hiệu quả; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm an sinh xã hội. Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội và môi trường, nâng cao mức sống của nhân dân.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chính sách về trợ giúp xã hội cho các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương của quá trình triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ. Thực hiện nghiêm, đầy đủ các chính sách đối với người lao động, người có công và đối tượng bảo trợ xã hội.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh, chú trọng hơn tới phát triển chiều sâu bên cạnh phát triển chiều rộng, đặc biệt là đầu tư cho khoa học công nghệ. Trong nội dung bảo vệ và cải thiện môi trường sẽ lấy chất lượng sống của người dân là trọng tâm. Tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên vật

liệu, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các vật liệu, nguyên liệu mới, thân thiện với môi trường; Đẩy mạnh công tác áp dụng sản xuất sạch hơn trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đồng thời sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn lực tài nguyên của địa phương.

- Đánh giá những tác động của Hiệp định CPTPP đến vấn đề lao động, việc làm, xã hội... và đề xuất các giải pháp để có thể thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 29/12/2017 về việc triển khai thực hiện Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020 với những nội dung như: phòng ngừa và kiểm soát nguồn ô nhiễm môi trường; khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, các Sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí triển khai Kế hoạch, gửi Sở Công Thương để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt, đồng gửi Sở Tài chính để tham mưu trình UBND tỉnh, trình HĐND Tỉnh bố trí dự toán thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và khả năng cân đối ngân sách.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giai đoạn 2019-2020, thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức phổ biến về Hiệp định CPTPP tới các cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.
2. Thực hiện các chương trình phát thanh và truyền hình; đăng tin, bài trên báo điện tử, báo viết tuyên truyền về Hiệp định CPTP.
3. Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, doanh nghiệp.
4. Xúc tiến thương mại, quảng bá, tìm kiếm thị trường, kết nối cung cầu.

Giai đoạn 2021-2025, thực hiện các nội dung sau:

1. Tiếp tục phổ biến về Hiệp định CPTPP, tập huấn nâng cao nghiệp vụ và công tác xúc tiến thương mại quảng bá, tìm kiếm thị trường, kết nối cung cầu.
2. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

3. Xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng, truy suất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ.

4. Đào tạo lao động có tay nghề, kỹ thuật theo nhu cầu của doanh nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường xuất khẩu.

Các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở những nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, tổ chức triển khai nghiêm túc. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo cho Sở Công Thương để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương.

Giao Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Kế hoạch, các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương) xem xét, quyết định. *KL*

(Chi tiết nhiệm vụ và phân công thực hiện theo Phụ lục đính kèm)

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, SCT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *mmh*



ong

Nguyễn Thành Long



Phụ lục

NHỮNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH CPTPP

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP và thị trường của các nước tham gia Hiệp định CPTPP			
1.1	Tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn về Hiệp định CPTPP cho các cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh về các nội dung: Nội dung các cam kết của Hiệp định; đặc điểm thị trường các nước trong CPTPP; các cơ hội và thách thức khi thực hiện Hiệp định CPTPP; đầu tư, mua sắm chính phủ; phòng vệ thương mại; sở hữu trí tuệ; nông, lâm, ngư nghiệp; lao động, môi trường ... Phát hành các tài liệu, ấn phẩm phổ biến về Hiệp định CPTPP; Thông tin thị trường xuất khẩu về các nước thành viên Hiệp định CPTPP...	Sở Công Thương	các sở, ngành, địa phương, đơn vị	2019
1.2	Chỉ đạo các cơ quan báo chí xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về Hiệp định CPTPP với nội dung và hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng; Hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Hiệp định CPTPP. Xuất bản các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu về Hiệp định CPTPP, định hướng dư luận xã hội tiếp cận tích cực với những thay đổi khi tham gia Hiệp định CPTPP.	Sở Thông tin và Truyền thông	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
1.3	Thực hiện các Chương trình phát thanh và truyền hình	Đài Phát thanh	các sở, ngành, đơn	Hàng năm

	tuyên truyền về Hiệp định CPTPP	và Truyền hình tỉnh	vị	
1.4	Tiếp tục triển khai xuất bản Bản tin Thông tin đối ngoại trong đó có nhiều tin, bài tuyên truyền về Hiệp định CPTPP.	Sở Thông tin và Truyền thông	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
1.5	Tổ chức các chương trình truyền thông (truyền hình), và các lớp đào tạo tập huấn để nâng cao nhận thức, năng lực phát triển tài sản trí tuệ cho cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ, người sản xuất và kinh doanh sản phẩm làng nghề và nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
1.6	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về lao động góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật lao động của người sử dụng và người lao động nhằm xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong các doanh nghiệp, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các cam kết, nghĩa vụ khi tham gia Hiệp định CPTPP. Tăng cường công tác truyền thông bằng các hình thức đa dạng phong phú đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh về Hiệp định CPTPP.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
1.7	Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, quảng bá, phổ biến các thông tin Hiệp định CPTPP tới cộng đồng doanh nghiệp và người dân thông qua các ấn phẩm, Công thông tin xúc tiến đầu tư của tỉnh, sự kiện xúc tiến, kênh thông tin khác	TTXTĐT, VCCI	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm



2	Công tác xây dựng pháp luật			
2.1	Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để chủ động kiến nghị các cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với Hiệp định CPTPP	Sở Tư pháp	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
2.2	Rà soát, kiến nghị để sửa đổi, bổ sung một số Luật, Nghị định, Thông tư có liên quan theo đúng với lộ trình đã quy định của Hiệp định CPTPP và triển khai thực hiện đối với các VBQPPL sau:			
2.2.1	Bộ luật Lao động 2012	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		2019 - 2020
2.2.2	Luật Sở hữu trí tuệ 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ		2021, hàng năm
2.2.3	Bộ luật Hình sự	Công an tỉnh		2021, hàng năm
2.2.4	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh	Sở Công Thương		2019, hàng năm
2.2.5	Các văn bản luật có liên quan đến việc yêu cầu mỹ phẩm nhập khẩu phải có giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS)	Sở Y tế		2019, hàng năm
2.2.6	Tham gia góp ý Nghị định hướng dẫn thực thi Hiệp định CPTPP về đấu thầu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		2019
2.2.7	Nghị định ban hành biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của CPTPP	Cục Thuế tỉnh		2019, hàng năm
2.2.8	Thông tư hướng dẫn thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa	Sở Công		Hàng năm

		Thương, BQL các KCN, VCCI		
2.2.9	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Quy định về quản lý đầu tư các dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách trên địa bàn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành, đơn vị	2019
3	Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và phát triển nguồn nhân lực			
3.1	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp thuộc chương trình, kế hoạch, đề án hỗ trợ doanh nghiệp đã được UBND tỉnh ban hành Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chỉ số PCI, nhất là các chỉ số thành phần còn thấp, trọng tâm là trong các lĩnh vực: quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
3.2	Theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình thanh khoản của các TCTD, diễn biến thị trường tiền tệ, ngoại hối đảm bảo an toàn, thông suốt hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh. Tích cực đẩy mạnh hợp tác và phát triển các dịch vụ ngân hàng quốc tế. Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp, kết nối cung – cầu, hỗ trợ giải quyết vốn cho sản xuất kinh doanh.	Ngân hàng Nhà nước VN Chi nhánh BR-VT	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
3.3	Tập trung khuyến khích hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp; Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xóa bỏ rào cản, phát triển mạnh doanh nghiệp theo Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm



	hướng xã hội chủ nghĩa.			
3.4	Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Trong đó chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại, chế biến sâu nông sản hàng hóa, tạo giá trị gia tăng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường và xuất khẩu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
3.5	Tiếp tục triển khai các Chương trình: hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển công nghiệp hỗ trợ, Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực, Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp...	Sở Công Thương	các sở, ngành, địa phương, đơn vị	Hàng năm
3.6	Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển ngành công nghiệp: Phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, chủ động tham gia và tận dụng thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển ngành công nghiệp mới có lợi thế, từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thúc đẩy phát triển làng nghề theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh	Sở Công Thương	các sở, ngành, địa phương, đơn vị	Hàng năm
3.7	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền điện tử, từng bước xây dựng thành phố thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
3.8	Thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Triển khai xây dựng Đề án hỗ trợ Doanh nghiệp Đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ để đa dạng hóa sản phẩm hoặc đổi mới	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm

	<p>công nghệ, phát triển công nghệ mới để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường; Hỗ trợ kết nối, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN góp phần hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.</p>			
3.9	<p>Hỗ trợ, khai thác, áp dụng sang chế/ giải pháp hữu ích vào thực tiễn; Hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề mang địa danh của tỉnh; Hỗ trợ phát triển sở hữu trí tuệ cho nhãn hiệu tập thể đã được bảo hộ.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	các sở, ngành, địa phương, đơn vị	Hàng năm
3.10	<p>Ban hành và thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế chính sách, các giải pháp phát triển đào tạo nghề, đào tạo nghề chất lượng cao... Đầu tư nâng cấp hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm, Sàn giao dịch việc làm, thành lập các điểm giao dịch việc làm vệ tinh tại các địa phương nơi có thị trường lao động phát triển nhằm góp phần kết nối cung – cầu lao động, giải quyết việc làm cho người lao động.</p>	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	các sở, ngành, địa phương, đơn vị	Hàng năm
3.11	<p>Tăng cường hợp tác thông tin quảng bá du lịch theo hướng quảng bá đối ứng: trao đổi phương thức quảng bá thông tin giới thiệu về hình ảnh, đất nước, con người, cảnh quan... trên các phương tiện thông tin đại chúng của các Quốc gia ký Hiệp định. Hợp tác phát triển du lịch, trao đổi kinh nghiệm trong phát triển du lịch thông minh nhằm nâng cao chất lượng khách</p>	Sở Du lịch	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm



	du lịch, chất lượng dịch vụ giữa các quốc gia tham gia Hiệp định CPTPP.			
3.12	Tiếp tục thực hiện các Chương trình, đề án, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các sở, ngành, địa phương, đơn vị	Hàng năm
3.13	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, việc chấp hành chỉ thị số 01/1998/CT-TTg ngày 02/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 30/7/2014. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
4	Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp			
4.1	Rà soát các VBQPPL, cơ chế chính sách về các quan hệ lao động, tiêu chuẩn lao động phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết, công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia	Sở Lao động, Thương binh và xã hội; BQL các KCN	các sở, ngành, đơn vị	2019-2020
4.2	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cơ quan quản lý nhà nước về lao động, người làm công tác nhân sự tại doanh nghiệp; tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về lao động nhằm xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong doanh nghiệp...	Sở Lao động, Thương binh và xã hội; BQL các KCN; Liên đoàn lao động tỉnh	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
5	Chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững			
5.1	Tiếp tục triển khai chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 với những nội dung như: phòng ngừa và	Sở Tài nguyên và Môi trường	các sở, ngành, đơn vị	2019-2020

	kiểm soát nguồn ô nhiễm môi trường; khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính			
5.2	Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ phòng ngừa, cải thiện, khắc phục ô nhiễm các điểm nóng môi trường, từng bước hạn chế và tiến tới ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm trên địa bàn tỉnh, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.	Sở Tài nguyên và Môi trường	các sở, ngành, địa phương, đơn vị	Hàng năm
5.3	Đánh giá những tác động của Hiệp định CPTPP đến vấn đề lao động, việc làm, xã hội... và đề xuất các giải pháp để có thể thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm
5.4	Kịp thời xây dựng và ban hành các kế hoạch, chương trình về công tác lao động, việc làm; Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; hoàn thành các chỉ tiêu giảm tỷ lệ thất nghiệp.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	các sở, ngành, đơn vị	Hàng năm

